

Vocabulary Review –Unit 6

• TOPIC VOCABULARY

Thất bại :	Xem xét	Tiến bộ
Khóa học	Ngập ngừng	Chăm điểm
Kinh nghiệm:	Báo cáo:	Về tinh thần
Đoán	Tập trung	Đi thi
Sự hướng dẫn	Bằng cấp	Chuyên gia
Báo cáo	Điểm số	Nhắc nhở
Thông minh:	Đậu	Có tài năng
Ôn luyện	Tìm kiếm	Tấm bằng
Đảm bảo	Não	Học kì
Đạt được	Môn học	Phân vân/tự hỏi:

• PHRASAL VERBS

- Gạch bỏ: _____
- Viết xuống: _____
- Đọc lớn: _____
- Xé nhỏ: _____
- Chỉ ra: _____
- Lật mặt: _____
- Tra từ/ thông tin: _____
- Tẩy đi _____

• PREPOSITION PHRASES:

- Thuộc lòng : _____
- Ví dụ : _____
- Tóm lại/ Kết luận lại: _____
- Nói chung: _____
- Thật ra: _____
- Thích/ủng hộ: _____

• WORD FORM:

- Bắt đầu: _____
- Sự mở đầu _____
- Người mới bắt đầu: _____
- Đúng/ chính xác : _____
- Sự sửa lỗi: _____
- Không chính xác : _____
- Dững cảm: _____
- > sự dững cảm: _____
- Phân chia: _____
- Phép chia/sự phân chia: _____

Giáo dục: _____

→ Nền giáo dục: _____

- Hướng dẫn: _____

→ Sự hướng dẫn: _____

→ Người hướng dẫn: _____

- Trí nhớ/ Ký ức: _____

→ Ghi nhớ : _____

→ Đài tưởng niệm: _____

Tham khảo: _____

→ Sự tham khảo: _____

Im lặng : _____

→ Sự im lặng: _____

→ 1 cách im lặng (adv) _____

Đơn giản: _____

→ Làm đơn giản (v) _____

→ Sự đơn giản (n) _____

• WORD PATTERNS:

- Có khả năng về : _____

- Có tài năng về: _____

- Gian lận trong: _____

- Nhầm lẫnvới: _____

- Tiếp tục với: _____

- Đương đầu với: _____

- Giúp ai đó làm việc gì: _____

- Học về: _____

- Thành công trong: _____

- 1 quan điểm về: _____

- 1 câu hỏi về _____